

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách

bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế tài nguyên;
- c) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- d) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị;
- đ) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị;
- e) Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý thu và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản);
- g) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- h) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng;
- i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- k) Lệ phí môn bài đối với tổ chức; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;
- l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- m) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân;
- n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà

nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

o) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc thuộc địa phương quản lý;

p) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

q) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

r) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

s) Tiền sử dụng đất sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật (*trừ thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý*);

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

u) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

v) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý;

x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

y) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%;

a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý;

b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định;

c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;

d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

l) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (đơn vị: %)	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chi thường xuyên

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp:

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp.

b) Chi sự nghiệp giáo dục, bao gồm: Giáo dục mầm non, tiểu học, trung

học cơ sở, các hoạt động giáo dục khác theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động đào tạo và dạy nghề trên địa bàn xã;

c) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

d) Chi sự nghiệp y tế đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

e) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

g) Chi các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; sự nghiệp tài nguyên, hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác được tỉnh phân cấp quản lý;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi bảo đảm xã hội do xã quản lý theo phân cấp;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên;

3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã."

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại

Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

1. Bãi bỏ cụm từ “ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện)” tại Điều 1.

2. Bãi bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện” tại khoản 5 Điều 3.

3. Bãi bỏ Điều 5.

4. Bãi bỏ Điều 9.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 7 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khoản thu của ngân sách cấp huyện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước cấp huyện hoặc phát sinh trước ngày Nghị quyết sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực nhưng sau khi Nghị quyết có hiệu lực mới nộp vào ngân sách nhà nước, thì thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận: *u*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. *u*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh